TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2024/KDTM-ST
Ngày: 26 - 9 - 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa:

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà

2. Bà

-Thư ký phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa:

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 10/2024/TLST-KDTM ngày 16/01/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 561/2024/QĐXXST-KDTM ngày 15/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 510/2024/QĐST-KDTM ngày 04/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty L2 (gọi là Mido L).

Trụ sở: Số H đường C, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật*:* Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1983.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần K. Trụ sở: Số E, đường số B, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Nguyên H; sinh năm 1971; người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Tường C, sinh năm 1972; địa chỉ: Số B đường H, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền số 1/2024/GUQ-SGC ngày 17/7/24).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng TMCP S; Trụ sở: Số B N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền*:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1983 (theo Giấy ủy quyền số 2576/2024/GUQ-PC ngày 04/9/2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Võ Văn Đ là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 14/11/2023 Công ty L2 (nay là Công ty L3 và Cộng sự) ký hợp đồng dịch vụ pháp lý số 14.11/1/HĐVPL-L2 với Công ty Cổ phần K, để làm người đại diện thực hiện các thủ tục pháp lý, công nợ tại Ngân hàng TMCP S còn nợ Công ty Cổ phần K số tiền là 351.255.66 đồng. Theo hợp đồng đã ký kết, Công ty L2 được hưởng các phí sau:

- Thù lao cố định: 10.000.000 (mười triệu đồng), phí thưởng là 25% trên số tiền Công ty Cổ phần K nhận được từ Ngân hàng TMCP S - S1 hoặc bên thứ 3 thanh toán số tiền nêu trên.

Công ty L2 đã thực hiện các công việc theo hợp đồng, nên Công ty Cổ phần K đã thanh toán phí thù lao cố định cho Công ty L2 là 10.000.000 đồng, sau đó Ngân hàng TMCP S đã thanh toán số tiền là 351.255.660 đồng cho Công ty Cổ phần K. Như vậy, Công ty L2 đã hoàn tất công việc nhưng đến nay Công ty Cổ phần K không trả phí thưởng là 25% theo thỏa thuận cho công Công ty L2.

Tại phiên Toà, nguyên đơn yêu cầu Công ty Cổ phần K có trách nhiệm trả cho công ty L2 phí thưởng 25% và thuế VAT là 95.639.028 đồng (tiền thưởng là 87.813.915 đồng, thuế VAT là 7.825.113 đồng). Trả toàn bộ số tiền trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn: Ngày 17/7/2024 ông Bùi Tường Công trình B:

Ngày 14/11/2023 Công ty Cổ phần K (gọi là Công ty K) ký hợp đồng dịch vụ pháp lý số 14.11/1/HĐVPL-L2 với Công ty L2, có nội dung yêu cầu công ty L2 bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Công ty Cổ phần K và giải quyết công nợ tại công trình S1 chi nhánh H1. Công ty K đã chuyển khoản 10.000.000 đồng cho Công ty L2 do ông Võ Văn Đ là người nhận trực tiếp.

Từ khi ký dịch vụ đến ngày 03/01/2024, Công ty K không nhận được yêu cầu thông báo hoặc phản hồi công việc từ Công ty L2, do đó hợp đồng dịch vụ pháp lý với công ty L2 được xem như chấm dứt.

Do Công ty K và Ngân hàng S1 tự thoả thuận và giải quyết xong công nợ nên Công ty K không đồng ý với yêu cầu của công ty L2 về việc trả thưởng và thuế VAT số tiền là 94.839.025 đồng. Phí thù lao cố định là 10.000.000 đồng đã chuyển cho công ty L2, hiện không yêu cầu Toà án giải quyết giải quyết.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn T đại diện Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 31/7/2018, S1 và Công ty CP K đã ký kết hợp đồng thi công trụ sở Chi nhánh H1 tại địa chỉ 4 C, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể: Theo nội dung hợp đồng bao gồm, giá trị hợp đồng, thời hạn bảo hành công trình và các hạng mục điều khoản khác…. Đến nay công trình đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng và thanh lý hợp đồng. Theo thoả thuận hợp đồng, Trong thời

gian bảo hành công trình, S1 có quyền giữ lại 5% giá trị quyết toán để đảm bảo cho việc bảo hành công trình.

Ngày 26/12/2023, S1 đã thanh toán hết khoản tiền bảo hành công trình còn lại là 351.255.660 qua tài khoản của Công ty K và ký Biên bản xác nhận hoàn thành trách nhiệm bảo hành giữa hai bên. S1 có đơn đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa và thực hiện xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Tai phiên Toà, về phần hỏi, đáp xét thấy nguyên đơn trình bày cần thời gian để bổ sung thêm chứng cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận ngừng phiên Toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa Công ty L2 và Công ty Cổ phần K phát sinh tranh chấp từ hợp đồng dịch vụ giữa các bên có đăng ký kinh doanh với nhau theo khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên đây là loại vụ việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ. Công ty Cổ phần K là bị đơn có trụ sở chính tại địa chỉ số E, Đường số B, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Công ty cổ phần K, hiện tại công ty còn hoạt động chưa đăng ký giải thể. Tòa án nhân dân quận G đã thực hiện việc tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên họp, kiểm tra chứng cứ, đối chất và hoà giải nhưng bị đơn vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn Công ty L2 yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần K trả số tiền 95.639.028 đồng, bao gồm 87.813.915 đồng phí thưởng và 7.825.113 đồng thuế VAT.

Xét thấy Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 14.11/1/HĐVPL-MIDO ngày 14/11/2023 (gọi là hợp đồng) về nội dung các bên thoả thuận: Bên sử dụng dịch vụ là Công ty cổ phần K (gọi là bên A), thống nhất giao cho bên cung cấp dịch vụ là công ty L2 (gọi là bên B). Theo nội dung Bên B có nghĩa vụ thực hiện tư

vấn các vấn đề liên quan đến pháp lý, đại diện bên A làm việc giải quyết, thu hồi công nợ là 351.255.660 đồng tại S1 và đại diện cho Bên A tham gia tố tụng tại Tòa án để xử lý công nợ nêu trên. Phí dịch vụ và phương thức thanh toán xác định phí dịch vụ cố định là 10.000.000 đồng; phí thưởng là 25% trên số tiền bên A nhận được từ S1 hoặc bên thứ 3 khách thanh toán cho hợp đồng số 220/2018/HĐ-SGTT. Đây là sự thoả thuận giao dịch giữa các bên theo đó bên cung ứng dịch vụ (Bên B là công ty L2) thay mặt Công ty K giải quyết công nợ tại ngân hàng S1, công ty L2 đã nhận phí cố định là 10.000.000 đồng, như vậy hợp đồng được thực hiện giao kết từ ngày 14/11/2023 nhưng công ty TNHH L2 chưa cung cấp chứng cứ, chứng minh, thoả thuận, đàm phán làm việc tại Ngân hàng S1 hoặc văn bản người đại diện của bên B làm đại diện cho bên A thực hiện giải quyết công nợ tại Ngân hàng S1. Quá trình giải quyết vụ án Toà án tạo điều kiện về thời gian để công ty L2 cung cấp, giao nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh có căn cứ và hợp pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp của mình, tuy nhiên Công ty L2 cho rằng " có tư vấn trực tiếp, điện thoại cho giám đốc công ty là ông H, ngày 16/11/2023 có gửi công văn số 1611/CV-MIDO.23 đến ngân hàng S1 (Q) yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn tồn nợ cho Công ty Cp K, đồng thời liên lạc gọi điện thoại đến cho các cán bộ ngân hàng yêu cầu thanh toán…hiện Công ty L2 không còn lưu trữ biên lai gửi thư". Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của nguyên đơn là lời khai không chứng minh cho công việc cũng như văn bản làm đại diện cho bên A để thực hiện công việc tại Ngân hàng S1 được quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có cơ sở xem xét là chứng cứ, chứng minh hợp pháp. Ngày 26/12/2023 Ngân hàng S1 thực hiện chuyển khoản số tiền còn lại là 351.255.66 đồng vào tài khoản của công ty cổ phần K là khoản tiền được giữ lại để đảm bảo cho công trình theo thoả thuận của hợp đồng giữa S1 với công ty K, đồng thời hai bên ký kết biên bản xác nhận hoàn thành trách nhiệm bảo hành là căn cứ theo hợp đồng số 220/2018/HĐ-SGTT ngày 31/7/2018 và Ngân hàng S1 không liên quan đến hợp đồng dịch vụ pháp lý nêu trên. Nên từ những nhận định nêu trên đã có đủ cơ sở xác định Công ty L2 chưa có các nghĩa vụ, thực hiện những công việc có liên quan một cách đầy đủ, phù hợp với thoả thuận theo hợp đồng dịch vụ ký ngày 14/11/2023 được quy định tại điều 78 của Luật thương mại và công ty L2 có nghĩa vụ theo kết quả của công việc được quy định tại điều 79 của Luật Thương mại "Trừ trường hợp có thoả thuận khác, nếu tính chất của loại dịch vụ được cung ứng yêu cầu bên cung ứng dịch vụ phải đạt được một kết quả nhất định thì bên cung ứng dịch vụ phải thực hiện việc cung ứng dịch vụ với kết quả phù hợp với các điều khoản và mục đích của hợp đồng. Trong trường hợp hợp đồng không có quy định cụ thể về tiêu chuẩn kết quả cần đạt được, bên cung ứng dịch vụ phải thực hiện việc cung ứng dịch vụ với kết quả phù hợp với tiêu chuẩn thông thường của loại dịch vụ đó". Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 95.639.028 đồng, bao gồm (87.813.915 đồng phí thưởng và thuế VAT là 7.825.113 đồng), một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là không có cơ sở chấp nhận.

Công ty cổ phần K đã chuyển cho công ty L2 số tiền là 10.000.000 đồng là phí cố định, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét thấy đại diện Viện kiểm sát nhân quận G đề nghị ngừng phiên Toà. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình thụ lý vụ án đến trước khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án tạo điều về thời gian cho nguyên đơn cung cấp chứng cứ, chứng minh hợp pháp cho lời trình bày và tại phiên Toà nguyên đơn không thay đổi yêu cầu, bổ sung chứng cứ gì khác. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy ngừng phiên Toà để nguyên đơn cung cấp thêm chứng cứ là không có cở sở chấp nhận,

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn Công ty L2 phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 117, 118, 119 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 78; Điều 79 của Luật Thương mại;

- Nghị quyết Số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty L2 về việc bị đơn Công ty Cp K trả phí thưởng và thuế VAT số tiền là 95.639.028 đồng.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty L2 phải chịu án phí sơ thẩm là 4.781.951 đồng (Bốn triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn chín trăm năm mươi mốt đồng), được trừ vào số tiền Công ty L2 đã nộp tạm ứng án phí là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2023/0013651 ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty L2 còn phải nộp bổ sung số tiền án phí là 1.781.951 đồng (Một triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn chín trăm năm mươi mốt đồng).

Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể

từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.G;
- Chi cục THA Q.G
- Các đương sự .
- Lưu: Vp, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G THANH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 00 ngày 26/9/2024 tại Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Hội đồng xét xử với thành phần gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy T1

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Mai

Bà Trần Thị Mai Lan

Đã tiến hành nghị án vụ án KDTM thụ lý số 10/2024/TLST-KDTM ngày 16/01/2024 về vụ "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty L2 (goi là Mido L)

Trụ sở: Số H đường C, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật*:* Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1983.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần K. Trụ sở: Số E, đường số B, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Nguyên H; sinh năm 1971; người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Tường C, sinh năm 1972; địa chỉ: Số B đường H, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền số 1/2024/GUQ-SGC ngày 17/7/24).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng TMCP S; Trụ sở: Số B N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền*:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1983 (theo Giấy ủy quyền số 2576/2024/GUQ-PC ngày 04/9/2024).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra xem xét tại phiên tòa, các qui định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU
QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 117, 118, 119 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 78; Điều 79 của Luật Thương mại;

- Nghị quyết Số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty L2 về việc bị đơn Công ty Cp K trả phí thưởng và thuế VAT số tiền là 95.639.028 đồng.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty L2 phải chịu án phí sơ thẩm là 4.781.951 đồng (Bốn triệu bảy trăm bốn mươi mốt tám nghìn chín trăm năm mươi mốt đồng), được trừ vào số tiền Công ty L2 đã nộp tạm ứng án phí là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2023/0013651 ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty L2 còn phải nộp bổ sung số tiền án phí là 1.781.951 đồng (Một triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn chín trăm năm mươi mốt đồng).

Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Buổi nghị án kết thúc lúc 14 giờ 30 phút ngày 26/9/2024.

Các thành viên đã đọc lại biên bản và ghi nhận đúng nội dung đã Quyết định**.**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN *CHỦ TỌA PHIÊN TÒA*

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.G;
- Chi cục THAQGV
- Các đương sự .
- Lưu: Vp, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thùy Trang